

MAURICE BRAURE

LỊCH - SỬ

HÒA - LAN

BẢN DỊCH
của

HOÀNG - VĂN - TIẾP

VIỆN ĐẠI - HỌC HUẾ

1963

HOÀNG - VĂN - TIẾP

II. LỊCH - SỬ

OTHECA
Pontificii

RA
30

VIỆN ĐẠI - HỌC HUẾ

HOÀNG - VÂN - TIẾP

LI CHIH SU' H

BIBLIOTHE
Collegii Pont

BRA
930

VIỆN ĐẠI HỌC HỒ

Giá

BRA

930





MAURICE BRAURE



LỊCH - SỬ

HÒA - LAN

BẢN DỊCH

của

HOÀNG - VĂN - TIẾP

VIỆN ĐẠI - HỌC HUẾ

XUẤT - BẢN

1963

MAINTENANCE



1947

HÔA-LAM

MAINTENANCE

MAINTENANCE

1947

LỜI NÓI ĐẦU

Ngày nay, khi người ta nói đến xứ *Pays-Bas* tức là người ta chỉ-định một miền đất đai có cương-giới hẳn hoi mà tên gọi thông thường là **Hollande** (Hòà-Lan) nhưng về những thế-kỷ trước, danh-từ *Pays-Bas* không có ý nghĩa chặt hẹp như bây giờ, và tiếng *Hollande* hồi đó chỉ dùng để chỉ-định một hành-tỉnh mà thôi. Bởi vậy, để tránh mọi khó hiểu và lẫn lộn, ta phải đi ngược dòng thời-gian biết qua về lịch-sử **Pays-Bas**.

Trước kia, những xứ mà bây giờ mang tên là **Hollande-Belgique** và một phần thuộc phía bắc nước Pháp đều đặt dưới một quyền thống trị người ta gọi vùng đất đai rộng rãi ấy là **Pays-Bas** (**Nederlanden**). Nhưng đến cuối thế-kỷ **XVI**, những tỉnh về phía bắc thâu hồi được quyền độc-lập lúc đó người ta thấy cần phải đặt tên khác để phân biệt hai miền: bởi vậy, miền nam được gọi là **Pays-Bas espagnoles** (đến thế-kỷ **XVIII** là **Pays-Bas autrichiens**), còn miền bắc gọi là **Province-Unies**. Nhưng theo tiếng gọi thông thường thì người ta hay dùng tiếng **Hollande** hơn là tiếng **Provinces-Unies**.

Cũng vì lối lấy tên một tỉnh mà chỉ-định một miền gồm nhiều tỉnh về phía bắc nên mới gây ra sự khó hiểu, có thể nói là lộn xộn. Sau này, nói rộng ra, danh-từ **Hollande** chỉ-định toàn thể xứ **Pays-Bas**.

Chúng ta cũng nên biết rằng có một thời-kỳ, từ năm 1815 đến 1830, khi tạo lập vương-quốc **Pays-Bas** thì trong đó gồm có cả **Hollande** và **Belgique**. Song, qua năm 1831, **Belgique** tuyên bố độc-lập thì từ đó không còn có sự lộn về ý-nghĩa cương-vực giữa hai xứ **Belgique** và **Pays-Bas** nữa. Về thời cận-đại (tức là từ thế-kỷ XIX), người ta dùng hẳn chữ **Hollande** để chỉ-định xứ **Pays-Bas**.

Chúng ta cần phải định nghĩa rõ rệt về danh-từ **Pays-Bas** như thế trước khi đi sâu vào lịch-sử xứ này.

Muốn viết một cuốn Lịch-sử xứ **Pays-Bas** cho đầy đủ thì nội về phương-diện địa-lý, phải nói bao quát về lãnh-thổ gồm có cả **Belgique** lẫn **Hollande**. Đó là chưa kể về tình hình chánh-trị của hai xứ.

Mục-đích của cuốn sách nhỏ này chỉ mong cống-hiến độc-giả một ý niệm khái quát về lịch-sử **Hòa-Lan** nên chúng tôi chỉ biên-khảo lịch-sử **Pays-Bas** (**Hòa-Lan**) từ hậu bán thế-kỷ XVI tức là thời kỳ xứ ấy bắt đầu thọ lãnh một cá-tánh chánh-trị.

Về thời-đại nguyên-thỉ hay cổ-sử, chúng tôi sẽ tóm tắt trong chương đầu.

Những điều mà các độc giả muốn biết là lịch-sử nước **Hòa-Lan** và những tiến-triển của dân-tộc ấy từ khi lập quốc cho đến ngày nay.

Chúng tôi mong ước cuốn sách nhỏ này sẽ làm vừa lòng độc giả về điểm ấy.

CHƯƠNG I

TỪ THỜI-ĐẠI NGUYỄN-THỈ ĐẾN ĐỜI VUA CHARLES-QUINT

Về lịch-sử xứ Pays-Bas, không dễ gì hoạch-định một đường cương-giới cho xứ ấy ; những yếu-tố thiên-nhiên đóng một vai trò quyết - định hiệp với những sự-kIỆN lịch sử diễn biến. Bởi vậy, ta có thể nói gần như lịch - sử giải - thích địa - lý.

Quả thật, không có một miền nào trên thế-giới được loài người thay đổi như ở đây, miền «đất thấp». Không phải là việc sức người xâm-chiếm thiên-nhiên, mà chính là một cuộc tái-chiếm. Cách bờ biển phía tây nhiều cây số, người ta có đào được những thân cây tổ rằng xưa kia miệt đó là những đám rừng ; đền thờ nữ thần NEHALENNIA đối-diện với Domburg (đảo Walcheren) bây giờ chìm dưới đáy biển ; và chỗ mà ngày nay là biển

Zuiderzee thì ngày xưa chỉ là một cái hồ : hồ Flevo. Giòng của những con sông lớn ngày xưa cũng không chảy đúng chỗ như ta thấy ngày nay. Miền duyên-hải cứ thụt lùi mãi là vì đất sụt liên tiếp và những dãy cồn cát sụp đổ ; mặt khác, biển cứ tiến sâu vào lòng đất, nơi mà hiện nay mặt đất thấp hơn mặt nước thủy-triều.

Những chứng-tích cổ xưa nhứt chứng tỏ sự có mặt của loài người ở phía bắc và phía đông là những phiến đá (dolmen), tiếp đến những năm mộ thuộc về kỷ-nguyên đồng ; còn về phía nam thì người ta tìm thấy những cánh đồng chôn những chiếc bình thuộc kỷ-nguyên sắt. Người ta đoán rằng vùng đó xưa kia do các giống dân Celtique và Gaulois cư ngụ. Theo người La-mã (Romains) thì chừng một thế-kỷ trước T.C., giống dân Bataves xuôi giòng sông Rhin, đặt chân lên những xứ ở miền trung-châu. Một chủng-tộc khác tức là giống Frisons, chiếm miền duyên-hải và lan tràn từ miền Flandres đến tận Danemark. Ở xứ Frise và tỉnh Groningue, người ta còn thấy những di-tích của giống dân ấy tức là những mô đất do họ xây đắp lên để chống nạn hồng-thủy.

Khi Jules César tiến quân tới sông Rhin, người Bataves liên-minh với vị Hoàng-đế La-Mã, sau đó hai sắc dân Caninefates và Frisons cũng theo gương Bataves. Nhờ sự tiếp xúc với người La-Mã, những giống dân này học được cách đắp đê và đào kinh. Khi người La-Mã thắng quân Sicambres và tiến tới sông Rhin cũ, họ đích thân bắt tay vào những công cuộc phòng thủy to tát. Drusus thiết-lập ngót 50 trại lính canh phòng giữa Lugdunum Batavorum (Leyde) và Waal, và đào một con kinh giữa Vechten với hồ Flevo. Ngoài ra, con kinh Corbulon giữa sông Rhin và sông Meuse dài tới 30 cây số.

Làm những công-tác hữu ích đó, người La-Mã có ý muốn thâu lợi nhiều. Họ bắt dân bản-thổ phải nộp thuế nặng cho nên người Frisons uất ức nổi lên chống lại. Phải mất 20 năm (28 đến 47) người La-Mã mới chế-phục được họ. Sau đó, khi Vespasien và Vitellius tranh nhau Đế-quốc La-Mã, người Bataves được nhiều bộ-lạc Germans (1) và Gaulois giúp đỡ do tướng Civilis chỉ-huy, cố sức đánh đuổi quân La-Mã (năm 70). Họ thành công, song chỉ trong thời-gian ngắn. Vespasien, sau khi làm chủ đế-quốc, phái Cerealis cầm quân đánh lại. Người Bataves thua, phải trở lại thần-phục La-Mã.

Trong những thế-kỷ kế tiếp, người ta không biết gì nhiều, cho đến thế-kỷ thứ IV, cuộc đại xâm-lãng phát khởi và lan tràn khắp xứ, mới có sự thay đổi lớn. Cuộc đại xâm-lãng này chấm dứt ảnh-hưởng của La-Mã cùng cơ-cấu của Thiên-Chúa giáo : giáo-đường ở Tongres do Saint-Servais lập ra cũng bị tiêu-hủy. Khi thái bình trở lại, người ta vẫn thấy giống dân Frisons có mặt ở miền duyên-hải, ở phía tây các bộ-lạc Saxons, và phía nam giống Franc.

Vì lẽ Thiên-Chúa giáo được truyền-giảng trong những miền này do các giáo-sĩ người Franc

cùng với nhiều tín-đồ khác hồi năm 754. Sau đó, một người dân Frison khác, tên là Ludger, lại tiếp tục truyền-giáo. Vị này về sau trở nên giáo-chủ thứ nhất ở Munster.

Dưới triều đại Charlemagne, Thiên-Chúa giáo đem lại những cải-tổ quan-trọng về tôn-giáo cũng như về sự cai-trị. Sự mở-mang và thái-bình tương-đối của Đế-quốc Franc khuyến-kích nền thương-mại của các dân-tộc ở Pays-Bas. Trung-tâm buôn bán lúc đó là Dorestad (bây giờ thị-trấn Wijk-Bij-Duurstede còn mang cái tên na-ná như xưa). Cũng như Fectio (Vechten) vào thời La-Mã, Dorestad là hải-cảng liên lạc với phía bắc và những xứ Baltes ; hơn nữa, đó còn là một trạm giữa xứ Grande-Bretagne và những xứ Rhéna ; nơi đây người ta thường thấy qua lại thiếc của miền Cornouaillèda, da thú và dầu cá voi của các xứ phía bắc, rượu chát của miền sông Rhin. Tại phía đông-bắc nhất là ở Frise nghề nuôi trùu đã phát-sanh ra kỹ-nghệ dệt khá quan trọng.

Cố nhiên là sự thịnh-vượng của Dorestad và vùng lân cận đã khiến cho người Normand dòm ngó. Họ cướp phá tỉnh này nhiều phen, và cuối cùng thì Dorestad không còn nữa. Đảo Walcheren cũng bị tàn phá ; Witla ở sông Meuse, Deventer, Nimègue đều bị thiêu-hủy ; rồi các lãnh-chúa Normand cai-trị nhiều vùng đất đai, như Walcheren và Kennemerland. Mãi đến năm 891, bị Hoàng-đế Arnulf xứ Carinthie đánh bại gần Louvain, người Normand mới hết là một hiểm-họa cho những miền nói trên. Khi an-ninh phục hồi, tỉnh Tiel trên sông Waal, Utrecht và Deventer thừa-hưởng sự phồn-thịnh của Dorestad.

Song le, trong khoảng thời-gian ấy, cơ-cấu chánh-trị của các miền đó đã thay đổi. Trước những cuộc xâm - lăng của người Normand, các quận-công, bá-tước, đại - biểu cho một quyền-hành trung-ương suy-nhược, và cả những giáo-chủ nữa, trước còn nhân-danh vua chúa cầm quyền cai-trị, sau dần dần họ có quyền, rồi mỗi người hùng-cứ một phương, không ai chịu ở dưới quyền ai cả. Do một phần vì tình-trạng đó mà nảy sanh ra chế-độ phong-kiến. Đồng thời Đế-quốc Franc bị chia-xẻ và xứ Pays-Bas về phía bắc là mồi tranh-cựat của nhiều nước. Đến 925, phần đất ấy thuộc về đế-quốc Đức trong nhiều thế-kỷ.

Tóm lại, về thời ấy, một góc Âu - châu phân chia làm nhiều mảnh, chẳng những không liên - hệ mà càng ngày đối với nhau càng xa lạ. Những lãnh - địa quan - trọng nhứt là những lãnh-địa Goeldre và Brabant của hai vị quận-công, lãnh-địa Hollande, Flandre và Hainaut ở dưới chủ-quyền của mỗi vị bá-tước, giáo - khu Utrecht và Liège thuộc quyền của mỗi vị giáo-chủ. Những lãnh-địa Hollande, Utrecht, Gueldre và Frise sau này sẽ tập hợp thành xứ Provinces-Unies.

Hollande.— Năm 9

Vào thời chiến - tranh Thập-Tự-Quân, Floris III, bạn của Frédéric Barberousse chết trong trận bao vây thành Antioche (1190) rồi Guillaume đệ nhứt, sau khi đánh giặc Maures ở Portugal, chiếm Damiette vào năm 1219. Đến năm 1247, Guillaume II được tôn làm vua La-Mã. Tuy lúc này là lúc đang xảy ra cuộc tranh đấu gay go giữa Hoàng - đế Frédéric II với Tòa Thánh, song Guillaume II cũng không thể lợi dụng tình-thế ở nước Đức được vì còn phải đối phó một mặt với xứ Flandre, một mặt với người Frison ở tây - bộ xứ Frise.

Con trai ông, Floris V, thắng trận thủy-chiến, ngăn chặn miền đông xứ Frise không liên-lạc được với miền tây. Không được cứu viện, thế cô, người Frison miền tây phải đầu hàng năm 1289. Floris V thiên-vị phe bình-dân, đối với phe quý-phái rất khe khắt nên bị bọn này ám - sát vào năm 1296, Con trai ông không người nối dõi, khi chết đi, để lại lãnh địa cho người cháu thừa hưởng, tên là Jean D'Avesnes, bá tước Hainaut.

Hoàng-đế Frédéric II tự cho mình quyền làm bá-chủ đất Hollande, triệu bá-tước Hainaut đến Nimègue. Nhưng khi vị này đem theo quân - sĩ rầm rộ kéo đến thì Hoàng-đế vội vàng bỏ đi nơi khác. Lúc bấy giờ, vua nước Pháp, Philippe le Hardi, đang đánh nhau với người Flamand, bá tước Jean d'Avesnes giúp nhà vua đánh lui quân địch. Con trai ông, Guillaume III, được phong làm bá-tước Zélande. Chính ông này sau đã có sáng-kiến triệu-tập đại-biểu các tỉnh đặt ngồi bên hàng quý-tộc ; đó là bước đầu tiên tiến đến hội-ng nghị quốc-gia. Uy thế của ông gia tăng nhiều nhờ có hai con gái gả chồng trong hàng vua chúa : một người lấy vua

Anh-cát-lợi Eduard III ; người khác, Marguerite lấy Hoàng-đế Louis de Bavière. Guillaume III không có con trai thành thử những địa-hạt Hollande, Zélande và Hainaut thuộc về Marguerite hồi năm 1345. Sau này, Marguerite de Bavière truyền lại cho con trai bà. Dưới trào Bavière, những lãnh-địa trên từng trải qua nhiều biến-cố, đáng kể nhứt là sự tranh giành giữa những người Hoeken và Kabeljauws. Cho đến người thừa kế chót là Jacqueline de Bavière, bà này phải tranh đấu gắt gao với quận-công de Bourgogne mới bảo-tồn được những đất đai ấy.

Utrecht.— Giáo-chủ Utrecht một hồi đã từng là vị lãnh-chúa có uy-quyền to tát, cai-trị hầu hết tất cả đất đai Hòa-Lan nằm về phía nam và phía đông biển Zuyderzee. Về mặt tinh-thần, quyền-hành của vị giáo-chủ này lan ra gần khắp xứ Pays-Bas phía bắc. Uy-lực của giáo-chủ càng tăng gia vì trong nhiều cuộc tranh đấu với các bá-tước Hollande, ông thường được Hoàng-đế ủng-hộ.

Nhưng sau cuộc thỏa-hiệp ở Worms, những đặc quyền của nhà vua dành cho giáo-chủ giảm bớt dần ; khi Hoàng-đế không còn ủng-hộ giáo-chủ nữa thì những đất đai của vị này bị phân chia từng mảnh, phần thì thuộc về bá-tước Gueldre, phần

de Nassau và đem đất này làm của hồi - môn. Hoàng - đế Henri IV ra chiếu-chỉ lập đất này thành bá-tước-địa (comté) từ thế kỷ thứ XI. Sau này, do những cuộc hôn - nhân hoặc những cuộc đánh chiếm, lãnh-địa này càng ngày càng nói rộng : Nilègue và Weluwe cũng sát-nhập vào đó. Năm 1339, bá tước Renaud II, có họ với Vua Louis IV, được phong làm quận-công. Vì Renaud II không có con trai thừa kế nên sau khi ông mất, năm 1371, xảy ra trận giặc tranh giành, rồi Gueldre sát nhập vào đất của Juliers. Năm 1423, giòng Juliers tuyệt tự, đất đai của Juliers được giao vào tay Arnould d'Egmont cai quản. Nhưng sau có quận - công Berg đứng ra tranh giành thừa-kế, Arnould phải trả lại đất đai ấy. Lúc về già, quận-công Berg truất-quyền thừa - kế của con trai vì tội ngỗ nghịch. Hơn dịp này, Charles le Téméraire xen vào chiếm luôn địa-hạt Gueldre. Giòng Habsbourg và những người thừa - kế sau này sẽ phải tranh - đấu gay - go với con cháu Arnould để giữ lại đất đai Gueldre và cuối cùng họ đã thắng.

Frise.— Hồi thế - kỷ thứ XI, ở Frise, khi giòng họ Brunon không còn ai thừa - kế thì xảy ra một thời - kỳ lộn xộn. Bá tước Hollande

tây Zuyderzee đã bị sát-nhập vào bá-tước-địa Hollande; còn người Frison ở miền đông không lúc nào được sống yên ổn vì tình - trạng vô-chủ và tranh - quyền cướp-vị liên - miên trong vòng thế - kỷ thứ XIV, nhứt là cuộc tranh - chấp giữa người *Schieringers* và *Vetkopers*. Tuy nhiên, mặc dầu những mưu-toan của các vị bá-tước đất Hollande, người Frison vẫn còn sống độc-lập.

THỜI KỲ GIÒNG BOURGOGNE

Jacqueline de Bavière, người thừa - kế chót được hưởng địa-hạt Hollande, Zélande và Hainaut, suốt một thời đã gắng công cố sức giữ gìn đất đai của ông cha để lại, chống với sự tham-lam của Philippe le Bon, tức quận - công Bourgogne, tuy ông này đã được thừa hưởng xứ Flande, Artois và Franche Comté. Philippe le Bon uy hiếp Jacqueline de Bavière, buộc bà phải ký hiệp-ước Delft, năm 1428, nhường hẳn ba địa-hạt nói trên cho quận-công. Sau đó, ông này lại chiếm được thêm Namur, thừa-hưởng đất Brabant và Limbourg. Lãnh-thò của quận-công Bourgogne còn mở rộng nữa; hiệp - ước Arras (1435) đem lại đất Picardie và năm 1444 có thêm Luxembourg.

tư-pháp sở tại được thiết-lập. Cơ-quan tập-trung quyền-hành quan trọng nhất là Đại hội-đồng phụ trách về tư-pháp và hành chánh. Qua thời Charles le Téméraire thì Đại hội-đồng bị chia hai : một cơ quan đặt tên là Nghị-hội Maline, một tối cao pháp-đình với nhiệm-vụ là giành quyền tài-phán của Nghị-hội Paris, một cơ quan khác gọi là Hội-đồng tư - vấn kiêm về hành-chánh và tài-chánh. Nghị-hội Maline tuy được lòng dân bản xứ song không được dân ở các tỉnh miền bắc tin cậy. Ở Lille, Bruxelles và La Haye, Charles le Téméraire cũng có đặt ra những thăm-kế phòng (Chambres de Comptes) tất cả đều hiệp - nhút tại một cơ - quan trung - ương cũng đặt tại Maline ; nhưng sau thời ông này thì những phòng kia lại tách rời ra. Một biện-pháp coi như sự tập-trung quyền-hành là sự triệu-tập Tam-Dân nghị-hội (Etats généraux). Nhờ đó được thể-hiện nền thống-nhất chánh-trị của xứ Pays-Bas.

Sau khi Charles le Téméraire mất (1477), con gái ông là Marie de Bourgogne, lâm cảnh khó khăn. Chánh sách táo bạo của cha để lại cho bà một di-sản là cuộc chiến-tranh với vua Pháp, Louis XI. Ông này chiếm lại Bourgogne và Picardie. Hạt Gueldre nổi lên ; Nghị-hội hàng tỉnh ngóc đầu dậy. Không phải toàn thể các tỉnh này chống báng giòng họ

Giữa lúc quyền - hành trung-ương suy - vi, may sao một sự-kiện mới lại đưa đến khiến Marie de Bourgogne lại khôi-phục được uy-thế. Sáu tháng sau khi cha chết, Marie cưới Maximilien d'Autriche, con Hoàng-đế Frédéric III. Do đó, giòng Habsbourg xâm nhập xứ Pays-Bas, một sự-trạng quan - trọng cho xứ này cũng như cho Âu-châu. Quan-trọng cho Âu-châu vì giòng Habsbourg sẽ du nhập vào Tây-Âu là một nước lớn có tính-cách triều-thống đáng lo ngại cho những vương - triều khác; đối với xứ Pays-Bas thì những vị chủ mới quyền hành càng ngày càng lan rộng, dân xứ này sẽ bị một bàn tay sắt đè nặng trên vai mặc

Charles-Quint.— Philippe le Beau mất vào năm 1506. Ông này để lại một kẻ thừa kế là một đứa trẻ lên sáu, sau này là Charles - Quint. Trong khi Charles còn nhỏ, ông nội là Maximilien trở nên Hoàng-đế, nắm quyền nhiếp - chính. Maximilien lại cử con gái là Marguerite d'Autriche làm tổng trấn cai-trị xứ Pays-Bas. Đến năm 1515, Charles - Quint đã trưởng-thành, kế tục chức vị đó. Một năm sau khi Ferdinand d'aragon mất, Charles - Quint thừa - kế làm vua Ý-pha-nho ; rồi đến năm 1519 Maximilien mất, Charles - Quint lên nối ngôi làm vua đế-quốc Áo.

Thế là Charles-Quint làm vua hai nước, nắm trong tay một uy-quyền to tát giữa lúc tình - thế khuếch-trương về mặt kinh-tế và sôi nổi về mặt tinh - thần. Tình-trạng này sẽ chia hai xứ Pays-Bas và khai sanh ra miền Provinces-Unies.

Muốn hiểu rõ tình-trạng đó, chúng ta cần phải biết qua về tình-trạng kinh - tế, xã - hội và đời sống tinh - thần của xứ Pays-Bas lúc đó.

Trong sự mở mang kinh-tế của xứ Pays-Bas, miền nam, nhưt là Flandre và Brabant, trội hơn hẳn miền bắc. Tuy nhiên, một phần các tỉnh miền bắc cũng làm giàu được nhờ kỹ-nghệ len. Nimè

thủy-thủ Hòa-Lan được quyền đánh cá ở bờ biển Anh. Từ khi phát minh ra cách đóng thùng ướp muối cá vào cuối thế-kỷ XIX, sự xuất-cảng cá mới phát-triển mạnh, nhất là qua các xứ về miền nam. Muối trở nên món hàng rất cần-thiết cho kỹ-nghệ này, các thuyền đánh cá khi trở về phải mua của Pháp và Bồ-đào-nha. Người Y-pha-nho cũng trao đổi với Pays-Bas len để lấy dạ và cá.

Nền thương-mại của xứ này còn khuếch-trương về những hướng khác ; người Hòa-Lan đi kiếm gỗ và lúa mì ở các hải cảng vùng biển Baltique. Và trong khi nước Anh còn yếu kém về thương - thuyền thì những thủy

Chẳng bao lâu, Amsterdam lại gặp một đối-thủ khác là Anvers. Tỉnh này nhờ đường thông ra biển nên trở nên phồn-thịnh.

Cuộc tranh thương giữa hai hải-cảng này đã đem lại nhiều sáng-kiến : khởi đầu thời-kỳ hiện-đại, các tàu Hòa-Lan không chú trọng về việc tiếp-tế nhu-cầu trong xứ nữa, chỉ chăm lo việc chuyên chở hàng hóa. Họ chở sắt Thụy - Điển, mế-cóc và gai ở các xứ Baltes vào các hải-cảng Pháp và I-pha-nho ; lúc trở về, họ đem theo rượu chát và các hương-liệu.

Vào đầu thời-kỳ Y-pha-nho cai-trị, sự mua bán đổi chác đó còn dễ dàng, cho đến lúc vua Philippe II ra lệnh cấm.

Cuộc tranh thương của người Anh với Hòa - Lan khởi đầu bằng cuộc cạnh tranh về kỹ-nghệ : người Anh xuất-cảng lấy len qua tận Néerlande (Pays-Bas) không hề cho nhà buôn Hòa-Lan nhập - cảng nữa ; rồi tiếp đến sự cạnh - tranh về đường biển. Tháng hai năm 1496, hiệp ước *Intercursus Magnus* ký với vua Anh là Henri VII công nhận cho người Anh được buôn bán trong các hải-cảng và đánh cá ở bờ biển Pays-Bas. Ngược lại, người Hòa-Lan cũng được hưởng những quyền ấy

trong Provinces-Unies sau này, với những vua chúa ngoại-quốc như là vua xứ Ecosse. Còn Frise thì về mặt thực - tế vẫn tự-trị. Tất cả những sự-kIỆN tổng - hợp nói trên đã giải-thích một phần nào những biến-trạng của thế - kỷ thứ XVI.

Về mặt tinh - thần, tương-lai cũng được chuẩn - bị. Một bậc tiền - phong của cuộc cải - cách tôn - giáo là Geert Groote, sanh tại Deventer năm 1340. Groote chịu ảnh-hưởng của nhà thần-bí-học xứ Flandre, Ruysbroek l'Admirable ; sau khi du học ngoại-quốc, như là ở Paris, trở về sanh - quán, lập nên hội thầy dòng « Fr

Jésus Christ nổi tiếng đời sau. Điều chắc chắn là ở xứ Pays-Bas lúc đó có cuộc phục-hồi về tôn - giáo, về bác-ái và tự-do tín-ngưỡng.

Ngoài Geert Groote theo phái chính - thống ra, còn có Roelof Huysman tức là Agricola, sanh tại gần Groningue, chống với triết-lý kinh - viện, đi với sự cải-cách tôn - giáo. Và Wessel Gansfort (1420-1489) cũng sanh tại Groningue, cũng kinh chống với Giáo - hoàng và công - kích vài nghi - thức của nhà thờ. Sau này, Luther theo đó mà viết sách cải - cách nền đạo.

Erasme (1467-1536) sanh tại Rottesdam cũng là một môn-đồ của Groote. Nhưng ông này dè dặt hơn, không đoạn-tuyệt hẳn với Rome. Không phải là ông nể gì Giáo-hoàng, song đối với Luther ông cũng bất phục. Sở dĩ ông được coi là một trong những bậc tiên-khu của cuộc công - giáo cải - cách là vì những lời đánh thép của ông công-kích đoàn-thể giáo-sĩ tồi bại và nhút là vì cuốn sách «Khen ngợi sự điên rồ» (*Eloge de la Folie*) trong đó ông công - kích một xã-hội mà sau này chính nó lại hành hạ ông. Những bài văn châm

phận như Agricola. Ông này bị bắt buộc sống phần lớn đời mình ở ngoại-quốc, còn Erasme thì để lại cho tổ-quốc một di sản tinh-thần quý báu mà chính bản-thân ông không được hưởng.

Ảnh-hưởng của những triết-gia ấy tuy to tát thật, song đối với dân chúng còn lâu mới có hiệu - quả. Trong thời đó có thể nói là ảnh-hưởng rất nghèo nàn. Dưới thời các vị quận-công Bourgogne, xứ Pays-Bas miền bắc so sánh với các thành phố miền Flandre phía nam vẫn thua sút về kinh - tế ; miền Flandre giàu có bao nhiêu thì miền bắc Pays-Bas nghèo nàn bấy nhiêu. Nhưng về mặt văn-h

Về mỹ - nghệ thì ở những tỉnh miền nam không có bao nhiêu, phải đi ngược lên miền bắc mới thấy những công-trình kiến trúc tuyệt - diệu như nhà thờ Saint Jean de Bois le Duc, nhà thờ Utrecht, Saint Bavon và thị xã Haarlem, nhà thờ tân tạo Delft, nhà thờ Saint Martin ở Groningue, Saint Nicolas ở Kampen. Vì chỉ biết dùng có vôi gạch nên nhiều đền-đài khác có vẻ nặng nề; với những vật liệu còn thô sơ đó, người ta càng thần phục tài các kiến - trúc - gia Hòa-Lan.

Về hội-họa, Thierry Bouts (1410-1475) ở Haarlem đã có một ý-niệm sâu sắc về thiên-nhiên, Jérôme Bosch (1450-1516) là một họa-sĩ có những ảo - tưởng quái-dị, và Cornelis Engelbrechtz (1468-1533) ở Leyde là một trong số họa - sĩ kỳ lạ nhứt trong thời-kỳ sơ-khai của hội-họa.

Về âm - nhạc, ta có thể kể Obrecht hình như sanh ở Utrecht, tiếng tăm lừng lẫy và là một nhạc - sĩ thông - thái trong thời họ Bourgogne trị vì. Trong khắp xứ Pays-Bas, không riêng gì những tỉnh miền bắc, một phong-trào ham mê âm-nhạc đã cũng ứng cho vùng Tây-Âu những nhạc-sư lỗi-lạc.

người ta đã biết cách phòng ngự từ thời tiền - sử ; người Hòa-Lan đã học được một kỹ - thuật giàu kinh - nghiệm, nhờ thế vào thế kỷ thứ XV, họ đã đắp được con đê ngăn nước biển ở Westkapelle. Đó là chưa nói đến công-cuộc ngăn các con sông mà thường thường mực nước cao hơn mặt đất chung quanh. Các kỹ-sư Hòa-Lan còn dùng tài-năng vào việc vét cạn các ao hồ và đồng lầy trong nội-địa. Từ đầu thế kỷ thứ XV, họ đã dùng máy bơm nước vận-dụng bằng cối xay gió; những cối xay gió này sau trở nên một đặc - điểm về phong cảnh xứ Hòa-Lan.



CHƯƠNG II

CHÁNH-TRỊ CỦA CHARLES-QUINT

Một bi-kịch bắt đầu (như đã nói ở chương trên) với sự gia-nhập của Charles - Quint trong lịch - sử xứ Pays-Bas. Thật ra, bi-kịch đó đã nhen nhúm từ hồi Maximilien, Hoàng-đế Áo-quốc, vừa là ông nội của Charles - Quint, cầm quyền nhiếp-chính. Hoàng - đế Maximilien là người khôn ngoan và cương - quyết. Ông có tham - vọng quy - tụ những tỉnh ở xứ Pays-Bas đặt dưới một quyền-hành ; nhưng chánh-sách của ông đụng chạm với một thế-lực tôn-giáo mà tín - ngưỡng và quan-niệm chánh-trị của ông không dung nạp được.

Về xứ Pays-Bas, ông chỉ thừa-hưởng được những tỉnh gồm thành nước Bỉ hiện-thời, cùng hạt Hollande và Zélande. Utrecht, La Groningue... nằm ngoài phần đất của ông, nhưng ông nguyện chiếm cho bằng được.

Cơ-hội tốt đưa đến trước hết là ở Frise. Sau những cuộc tranh-giành giữa những người thừa - kế, đất ấy về tay quận-công Albert le Saxe Meiszen. Maximilien đành thừa nhận tình trạng đó, tính sau này có thể mua lại được. Chẳng may cho Albert, một phần đất Frise, miền gọi là Ommelanden và Groningue, không phục-tòng quận-công. Con trai, kế nghiệp cho quận-công là Georges, phải cất quân dẹp loạn, Georges cầu-viện với Charles de Gueldre để đánh Groningue. Sau Georges thấy Charles là một địch-thủ có uy-thế lớn hơn mình, đành phải bán lại cho Hoàng-đế Maximilien đất Frise. Dưới quyền cai-trị của Maximilien, dân Frisons vẫn chống-đối kịch-liệt và lâu dài ;

mãn, và những thương-gia Hòa-Lan lại cho đó là một cơ-hội tốt để dọn đường giao-thương với I-pha-nho và mai sau mở rộng thị - trường qua thế-giới mới (Mỹ - quốc) nơi mà vua I-pha-nho cũng là vua, họ có nhiều đất đai. Ngay tại I-pha-nho, có nhiều người Hòa-Lan được dùng vào những công-vụ trọng yếu khiến người I-pha-nho phải ganh tị. Bù qua sót lại thế là huê. Nếu không có vấn-đề tôn-giáo thì chế-độ này còn có thể kéo dài lâu nữa.

Nhưng việc tôn-giáo đã xen vô giữa lúc Charles - Quin chiếm xong 17 tỉnh và sắp

chánh-trị của phái Anabaptiste giảm mất nhiều, song chủ-nghĩa đó vẫn không chết hẳn. Nó lại sanh-sản ra nhiều giáo-phái khác, ôn - hòa hơn; trong số đó có tiếng nhứt là phái Mennonite, do tên người sáng lập là Menno Simoniz, linh mục ở vùng Witmarsum.

Người ta không lấy làm lạ sao ở xứ Pays-Bas giáo-thuyết dân chủ lại được nhiều người tin theo. Vì lẽ đó, chủ-nghĩa của Calvin (1) sau này tiến-triển mau chóng làm lu mờ hẳn thuyết của Luther.

Sách của Calvin (*Institutions*) du-nhập các tỉnh ở miền nam

CHƯƠNG III

CHẤM DỨT CHẾ-ĐỘ I-PHA-NHO VÀ TRANH-ĐẤU GIÀNH ĐỘC-LẬP

Charles-Quint chỉ phải cái tội là không khoan-dung, đại-độ về vấn-đề tín-ngưỡng, song ông hiểu rõ những phong-tục tập-quán của dân Hòa-Lan; trái lại, vua con lên kế-vị thì lại hoàn-toàn là Y-pha-nho, không biết nói tiếng Flamand và tiếng Pháp.

Phillippe II ngoài việc đàn-áp Tân-giáo, lại còn đưa ra nhiều biện-pháp chống với tự-do chánh-trị và quyền tự-tri mà 17 tỉnh còn được hưởng,

Chiến-tranh với Pháp kéo dài đến năm 1559, cầm chân nhà vua ở lại Pays-Bas, là một dịp giúp cho hàng quý-tộc suy-ngĩ về những nguy-hại đổi thay vua chúa. Trong Nghị-

hội Tam - Dân, người ta thấy rõ sự - kiện đó, Philippe II lại phản-đối quyền hội-hợp của dân-chúng giữa lúc nghị-hội đang trù - tính biện - pháp chống lại quyền độc - đoán của nhà vua mà họ thấy sắp thực - hiện. Sau cuộc đình - chiến ở Cateau-Cambrésis, Philippe II quyết-định rời khỏi xứ Pays-Bas, không bao giờ trở lại nữa, Ông trao quyền cai-trị cho người em gái cùng cha khác mẹ : Marguerite de Parme, con hoang của Charles-Quint với một nữ tỳ ở Audenarde. Tuy Marguerite có nhiều đức-tính tốt nhưng vai tuồng của bà gặp phải lúc rất khó-khăn.

Đồng-th

Chính giai-cấp đại quý - phái chịu thiệt - thòi nhứt về những cải-cách đó. Họ mới đủ thẩm-quyền để nhận-xét rằng những kẻ lạ đứng đầu những địa-vị then-chốt sẽ có thể đem vận-mạng xứ Pays-Bas lệ-thuộc quyền-lợi I-pha-nho. Hàng quý tộc xúc-dộng trước nhứt, vì thế mà gây khủng - hoảng trong chánh-phủ.

Ba vị lãnh-chúa đứng đầu phe đối-lập là : Guillaume de Nassau tức hoàng - tử Orange và hai bá-tước d'Egmont và de Horns. Guillaume de Nass

Emden, Đức, Panatinat và Anh-quốc (trừ vài năm dưới triều Nữ - hoàng Anh Marie Tusdor). Tân - giáo đã được nhiều người biết đến. Bây giờ số người lưu-vong ấy tin - tưởng ở kết-quả cuộc vận - động của hàng quý-phái, kéo nhau trở về nước và mở một cuộc tuyên-truyền mạnh mẽ. Đây là thời-kỳ người ta thuyết-giáo ngay ở giữa trời, nhứt là ở vùng thôn-dã, nơi mà nhà cầm-quyền không dễ gì bắt bớ.

Rồi sau họ hành-động có tổ - chức. Mặc dầu nguy-hiêm, những giáo-đoàn thành-lập rồi đến hội-nghị của các mục

tử-hình và tịch-thâu hàng trăm ngàn gia-sản. Bá-tước d'Egmont và bá-tước de Horns bị chặt đầu ngay giữa chợ tại Bruxelles. Người người không dám ho-he và sợ-hãi; Quận-công Albe lầm tưởng rằng phe kháng-chiến đã bị tan. Ông viết sớ về tâu vua là dân-tộc Hòa-Lan đã bị đàn áp một cách dễ dàng.

Sự thật khác hẳn. Ở nước ngoài, những kẻ lưu-vong kết-đoàn tiếp-tục kháng-chiến, nhưng lực-lượng họ còn yếu kém. Louis de Nassau, em ông Hoàng d'Orange vừa ở Đức về, đã thắng một trận ở Heiligerlee, gần Gron

Tình-trạng trở nên bi-thảm cho những tỉnh trong Liên-hiệp Utrecht, ít bị tàn-phá hơn những tỉnh khác, song lại bị đau thương nhiều hơn. Sau khi nhà đại ái-quốc của họ mất đi, những tỉnh ấy trở nên một miếng mồi dễ nuốt cho Quận-công de Parme. Bắt đầu Bruxelles rồi Malines rơi vào tay ông; đến Anvers sau 14 tháng bị vây hãm. Anvers lọt vào tay I-pha-nho gây chấn-động toàn-thể Âu-châu vì đó là một thành-phố giàu nứt xứt Pays-bas và là một tỉnh hữu-ích nứt cho các tỉnh miền bắc. Tất cả miền nam đã nằm trong tay người I-pha-nho

Handwritten text, likely a letter or document, written in a cursive script. The text is arranged in several lines, with some words appearing to be in a different language or dialect than others.

Handwritten text, continuing the previous section. The script is consistent, showing a personal or official communication.

Handwritten text, concluding the main body of the document. The final lines appear to be a signature or a closing statement.

CHƯƠNG IV

NƯỚC CỘNG - HÒA HỒI ĐẦU THẾ - KỶ THỨ XVII

Thế-kỷ thứ XVII thường được coi là «Đại thế-kỷ» ở Pháp. Đối với Pays-Bas cũng thế : thế - kỷ thứ XVII là một thế-kỷ to tát, bất cứ về phương - diện nào, Thậm chí, người Hòa-Lan đã gọi thế-kỷ đó là «Thế-kỷ vàng». Nước Cộng-Hòa còn non nớt kia đã phát-triển mau chóng và mạnh mẽ về chánh-trị và kinh-tế.

Sau khi Leicester trở về Anh-quốc rồi, Nghị-hội Tam-dân không tìm đâu ra một vị vương-giả để cầm vận-mạng xứ sở, bèn tự tay nắm lấy chủ-quyền. Vì thế mà năm 1588 mới khai-sanh nước Cộng-Hòa Provinces-Unies. Chánh-thức thì phải kể từ hồi có Liên-hiệp Utrecht năm 1579. Thật ra, theo như lời của Jean de Witte, thì không nên đặt ra một nước Cộng-Hòa mà phải gọi là Liên-bang Cộng-

Cơ-cấu liên-bang do Nghị-hội Tam-Dân hay Nghị-hội Toàn-quốc thiết lập. Nghị-hội gồm bốn chục đại-biểu do các Nghị-hội hàng tỉnh bầu. Mỗi tỉnh, bất luận bao nhiêu đại-biểu, đều chỉ có một phiếu và giữ chức chủ-tịch một tuần, thay phiên nhau. Nghị-hội đại-biểu cho toàn-thể nước Cộng-Hòa đối với nước ngoài. Nghị-hội quyết-định chiến-tranh hay hòa-bình và nắm trong tay mọi lực-lượng quốc-phòng. Tất nhiên cơ-quan tối cao này có quyền cử những chức Tổng-tư-lệnh lục-quân và hải-quân. Ngoài ra, Nghị-hội còn có quyền tối-cao về mặt tài-chánh, và nắm giữ chủ-quy

qui-tự đảng Cộng-Hòa, tức là những đại thương-gia, nắm trong tay những công-vụ trong thành-phố ; bọn này có thế-lực lớn ở Hollande, chủ-trương tự-trị hàng tỉnh, vì giai-cấp này và cả tỉnh Hollande nữa, phải gánh chịu nặng nhứt những món chi-tiêu của nhà nước, nên họ chống với những chức-vụ quân-sự và chống chiến-tranh làm ngăn trở thương-mại; trái lại, chiến-tranh lại làm tăng uy-tín chánh-trị của giòng Orange. Về vấn-đề tôn-giáo thì những đảng-viên cộng-hòa có tư-tưởng rộng rãi và chủ-trương sự khoan-hồng tín-nguỡng

